TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 –AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Mến
Ông Tô Hải Đăng
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa*:** bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 642/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn**: chị Thị P, sinh ngày 08/02/1990 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh A
- **Bị đơn**: anh Danh H, sinh ngày 01/01/1995 (Vắng mặt không có lý do)
Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2026, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn chị Thị P như sau:

Năm 2020 chị và anh Danh H gặp, quen biết nhau được thời gian thì anh chị có tình cảm với nhau và quyết định kết hôn với nhau, anh chị có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh K số 74 vào ngày 29/3/2024. Sau khi kết hôn, chị và anh H sống hạnh phúc đến ngày 02/12/2025 thì bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không lo làm ăn để tạo dựng cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh H vẫn không thay đổi tính tình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ ngày 02/12/2025 đến nay, chị xác định chị đã không còn

tình cảm với anh H nên chị quyết định ly hôn với anh H. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, chị Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh H. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị P không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

* Đối với bị đơn anh Danh H không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng anh H không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp nhận cho chị Thị P được ly hôn với anh Danh H. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Thị P yêu cầu ly hôn với anh Danh H. Bị đơn có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp A, xã G, tỉnh A nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật "ly hôn" và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Danh H với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị Thị P và anh Danh H tự quen biết, tìm hiểu trong thời gian ngắn thì anh chị tự nguyện tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh K số 74 vào ngày 29/3/2024, cho nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị P là chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Hành lý D anh H không lo làm ăn để tạo dựng cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh H vẫn không thay đổi tính tình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ ngày 02/12/2025 đến nay, chị xác định chị đã không còn tình cảm với anh H nên chị quyết định ly hôn với anh H. Tòa án đã tiến hành thông báo mời hòa giải nhằm tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân nhưng anh H không có mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Tại phiên toà, chị P, anh H cũng không gặp nhau và chị P vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh H vì chị và anh H đã không sống với nhau từ ngày 02/12/2025 đến nay nên không còn tình cảm yêu thương dành cho anh H. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn anh chị đã không tìm hiểu rõ tính tình của nhau mà vội vàng kết hôn với nhau nên anh chị chỉ chung sống với nhau được thời gian ngắn thì đã xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau và đã ly thân mỗi người sống một nơi, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp.

[2.3] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: chị P xác định là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Đối với bị đơn anh Danh H, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy anh H có đăng ký thường trú tại ấp A, xã G, tỉnh A nhưng anh H vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh H theo quy định nhưng anh H vẫn không có mặt không có lý do và anh H cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của anh.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: bằng 300.000 đồng, chị P phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: chấp nhận cho chị Thị P được ly hôn với anh Danh H.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Thị P phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu số 302660 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị P đã nộp xong án phí HNST.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 17/6/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS khu vực 5 – An Giang;
-THADS;
-Các đương sự;
- UBND xã Gò Quao, tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh